

Số: 113/TB-HVPNVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Danh sách đơn vị liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam được công nhận trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ tại Học viện Phụ nữ Việt Nam (cập nhật đến tháng 11/2025)

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ công văn 6931/BGDĐT-QLCL ngày 29/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

Thông báo này thay thế Thông báo số 150/TB-HVPNVN ngày 10/10/2024 của Học viện Phụ nữ Việt Nam

Học viện Phụ nữ Việt Nam thông báo đến các nghiên cứu sinh, học viên cao học, thí sinh dự tuyển về danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và danh sách đơn vị liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo sau đại học như sau:

1. Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Dữ liệu cập nhật đến tháng 3/2025) (Phụ lục 1).
2. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT), tiến sĩ (Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục 2 và Phụ lục 3).

Các danh sách trên thường xuyên được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ giáo dục và đào tạo (Cục quản lý chất lượng) tại địa chỉ <https://vqa.moet.gov.vn/vi/>

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có liên quan;
- Website Học viện;
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC 

Trần Quang Tiến

Phụ lục 1
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(Kèm theo Thông báo số 113/TB-HVPNVN ngày 10 tháng 11 năm 2025 của
Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân



Handwritten signature in blue ink.

STT	Tên đơn vị
29	Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Đại học Tài chính - Marketing
36	Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

dan





Phụ lục 2

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT
NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

(Kèm theo Thông báo số 113/TB-HVPNVN ngày 10 tháng 11 năm 2025 của

Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL IBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
8	Aptis ESOL International Certificate (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
9	Pearson Test of English Academic (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
10	Pearson English International Certificate (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Phụ lục 3

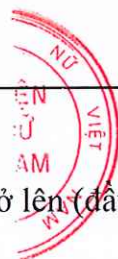
**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN
SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 113/TB-HVPNVN ngày 10 tháng 11 năm 2025 của
Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL IBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK. Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3



TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
6	Tiếng Nga	ТРКИ -Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
7	Aptis ESOL International Certificate (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	Từ bậc 4 trở lên (đầu ra)
8	Pearson Test of English Academic (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	Từ bậc 4 trở lên (đầu ra)
9	Pearson English International Certificate (Tiếng Anh)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên (đầu vào)	Từ bậc 4 trở lên (đầu ra)



✓